

Bản án số: **04/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 02-02-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Lam**

2. Ông **Lê Văn Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX - ST ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Ph**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Trương Ngọc H**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ph có mặt, anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim Ph** trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Trương Ngọc H** sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 19/02/2014 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với gia đình nhà chồng ở thôn L, xã T, huyện Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H sống không có trách nhiệm với vợ con, hay nhậu nhẹt say sưa và đánh đập, chửi bới khiến chị tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Tháng 3/2020, chị đã dọn ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân, người nào chỉ biết bốn phận người đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trương Ngọc H**.

Về con chung: Vợ chồng chị có một người con chung là cháu Trương Ngọc H, sinh ngày: 03/9/2013. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị và anh H không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2021, bị đơn anh Trương Ngọc H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Ph đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2014, tại UBND xã T, huyện Đ, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại gia đình. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cách cư xử của chị Ph không khéo léo, hơn nữa do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xích mích, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Anh cũng thừa nhận, do tính tình nóng nảy, không kiềm chế được bản thân nên có lần anh đã đánh chị Ph. Từ tháng 3/2020, anh chị đã sống ly thân, chị Phg đã dọn ra ngoài ở riêng, không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph.

Về con chung: Anh và chị Phượng có một người con chung là cháu Trương Ngọc H, sinh ngày: 03/9/2013. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu H cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì anh và chị Ph tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh và chị Ph tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Do bị đơn anh H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặt khác, nguyên đơn chị Ph có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết tài sản chung; chị và anh H không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Cho chị Nguyễn Thị Kim Ph và anh Trương Ngọc H được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc H cho đến khi đủ 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Do không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Ph, bị đơn anh H và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Bị đơn anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ph và anh H đăng ký kết hôn ngày 19/02/2014 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ph, anh H là hợp pháp.

Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Ph, anh H thì thấy quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tôn trọng lẫn nhau, anh H hay nhậu nhọt, say sưa và chửi bới vợ con, thậm chí có lần đã đánh chị Ph, khiến chị tổn thương về mặt tinh cảm, khủng hoảng về tinh thần, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau mà đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, người nào chỉ biết buồn phận của người đó, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau.

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 08/01/2021, bà Nguyễn Thị L là Chủ tịch Hội phụ nữ xã T, huyện Đ cho biết “*Vợ chồng chị Ph, anh H quá trình chung sống tại địa phương thời gian đầu thấy bình thường, hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi vã. Chi hội phụ nữ thôn đã tìm hiểu, động viên. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 thì thấy anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không sống cùng nhau nữa*”.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ph và anh H là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn huyên tình cảm. Chị Ph yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Ph, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Ph và anh H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Chị Ph, anh H đều xác nhận có một người con chung là cháu Trương Ngọc H, sinh ngày: 03/9/2013. Chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2021, anh H thể hiện ý kiến đồng ý giao cháu H cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu H, nguyện vọng của cháu H muốn được ở với chị Ph. Để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu H, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu H cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Ph không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[2.3] *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Ph và anh H xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] **Về án phí**: Buộc chị Ph phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 206, 207, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ph đối với bị đơn anh Trương Ngọc H.

Cho chị Nguyễn Thị Kim Ph và anh Trương Ngọc H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc H, sinh ngày: 03/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Ph không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002753 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị Ph đã nộp đủ). Anh Trương Ngọc H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn